

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 02/2024/DS-ST

Ngày: 15 - 3 - 2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhất

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Khánh

2. Ông Nguyễn Văn Thức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2023/TLST- DS ngày 18 tháng 10 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-DS, ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Người đại diện theo pháp luật: Ông P.T.V; chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Ngọc P; chức vụ: Giám đốc A Chi nhánh K.N (Văn bản ủy quyền số: 2665/UQ- NHo-PC, ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tổng giám đốc A “V/v quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành hành án”)

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Lưu Nguyên P; chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch P - Ngân hàng N- Chi nhánh K- Bắc Đ (Văn bản ủy quyền số: 189/NHNoKRN, ngày 19 tháng 6 năm 2023)

Địa chỉ: Thôn 12, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Y M, sinh năm 1962. Địa chỉ: Buôn S.B, thôn 4, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà H G, sinh năm 1954. Địa chỉ: Buôn S.B, thôn 4, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2018 ông Y M (bà H G ký hợp đồng ủy quyền cho ông Y M vay) ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N – Chi nhánh K.N - Bắc Đ- Phòng giao dịch P theo Hợp đồng tín dụng số: 5209LAV201801841 để vay số tiền 70.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số: 5209LDS201803523 cùng ngày. Mục đích vay: Mua đồ dùng sinh hoạt, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 27 tháng 6 năm 2019, lãi suất vay là 11.5%/năm. Ông Y M đã vay tiền bằng hình thức cho vay không phải bảo đảm tài sản, nhưng để bảo đảm khoản vay trên, ông Y M và bà H G có ký vào cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM119179 do UBND huyện K cấp ngày 08 tháng 5 năm 2008 mang tên Y M và H G nhưng không đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Y M đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi 4.036.028 đồng. Tính đến ngày 15 tháng 3 năm 2024, ông Y M và bà H G còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 138.426.463 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc 70.000.000 đồng, nợ lãi 68.426.463 đồng, trong đó lãi trong hạn: 49.705.523 đồng, lãi quá hạn 18.720.940 đồng. Buộc ông Y M và bà H G phải tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh từ ngày 16 tháng 3 năm 2024 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã thỏa thuận.

** Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ, ông Y M và bà H G đã lần tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của ông Y M và bà H G đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 về thẩm quyền của Tòa án; Điều 191, Điều 195 và Điều 196 về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện, thụ lý vụ án và Thông báo thụ lý vụ án, Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: HĐXX và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự (Không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án).

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N - Chi nhánh K.N - Bắc Đ – Phòng giao dịch P, buộc ông Y M và bà H G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 138.426.463 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 70.000.000 đồng, nợ lãi 68.426.463 đồng, trong đó lãi trong hạn: 49.705.523 đồng, lãi quá hạn 18.720.940 đồng. Đồng thời, cần buộc ông Y M và bà H G phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Về tài sản thế chấp: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM119179 do UBND huyện K cấp ngày 08 tháng 5 năm 2008 mang tên Y M và H G mà ngân hàng đã rút. Ngoài ra, ông Y M và H G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM119179 do UBND huyện K cấp ngày 08 tháng 5 năm 2008 mang tên Y M và H G là hoàn toàn tự nguyện, phù

hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[1.2] Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ, nơi cư trú của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không hợp tác và cố tình lẩn tránh. Theo biên bản xác minh tại nơi cư trú ngày 03 tháng 01 năm 2024 của chính quyền địa phương xác định: Ông Y M và bà H G có hộ khẩu và cư trú tại: Buôn S.B, thôn 4, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, hiện không có mặt tại địa phương, khi đi ông Y M và bà H G không trình báo với chính quyền địa phương. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng đã ký kết mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40; khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ -HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không có mặt. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ đối với các đương sự được.

[1.4] Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được triệu tập họp lệ lần thứ hai phải có mặt tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì các đương sự đều lẩn tránh, cố tình giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đã có đủ căn cứ xác định: Vào ngày 28 tháng 6 năm 2018 ông Y M (bà H G ký hợp đồng ủy quyền cho ông Y M) ký Hợp đồng tín dụng số: 5209LAV201801841 với Ngân hàng N - Chi nhánh K.N - Bắc Đ- Phòng giao dịch

P để vay số tiền 70.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số: 5209LDS201803523 cùng ngày. Mục đích vay: Mua đồ dùng sinh hoạt, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 27 tháng 6 năm 2019, lãi suất vay là 11.5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay trong hạn. Ông Y M đã vay tiền bằng hình thức cho vay không phải bảo đảm tài sản, nhưng để bảo đảm khoản vay trên, ông Y M và bà H G có cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM119179 do UBND huyện K cấp ngày 08 tháng 5 năm 2008 mang tên Y M và H Gãi Niê.

[2.1] Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Y M chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền lãi 4.036.028 đồng và sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như điều khoản đã ký kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự và vi phạm đối với Hợp đồng tín dụng đã ký kết nói trên. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Y M và bà H G phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh K.N - Bắc Đ- Phòng giao dịch P số tiền gốc và lãi phát sinh đến ngày 15 tháng 3 năm 2024 là 138.426.463 (Một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 70.000.000 đồng, nợ lãi 68.426.463 đồng, trong đó lãi trong hạn: 49.705.523 đồng, lãi quá hạn 18.720.940 đồng. Cần buộc ông Y M và bà H G phải tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh từ ngày 16 tháng 3 năm 2024 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã thỏa thuận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 1 Điều 207; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 40; khoản 2 Điều 277; Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc ông Y M và bà H G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh K.N - Bắc Đ- Phòng giao dịch P số tiền gốc và lãi suất phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm là 138.426.463 (Một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 70.000.000 đồng, nợ lãi 68.426.463 đồng, trong đó lãi trong hạn: 49.705.523 đồng, lãi quá hạn 18.720.940 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Y M và bà H G tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng N - Chi nhánh K.N - Bắc Đ- Phòng giao dịch P

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đã rút về xử lý tài sản bảo đảm là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM119179 do UBND huyện Kcấp ngày 08 tháng 5 năm 2008 mang tên Y M và H G.

3. Về án phí: Ông Y M và bà H G phải chịu 6.921.000 (Sáu triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 3.272.000 (Ba triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí do ông H.Q.K nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, theo biên lai số: AA/2021/0018749, ngày 13 tháng 10 năm 2023.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thị xã Buôn Hồ;
- Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Bá Nhất

